

| | | | | | | | | | | | | |
|-------------------|--------------------|------------|-----------|-----------|------------|--|--|--|--|--|--|--|
| 3. | CS Dịch vụ ăn uống | 92 | 0 | 0 | 0 | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | 128 | 23 | 23 | 100 | | | | | | | |

Bảng2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm.

| TT | Tổng hợp tình hình vi phạm | số lượng | tỷ lệ so với số được kiểm tra |
|--|---|----------|-------------------------------|
| 1 | Tổng số cơ sở được kiểm tra | 0 | |
| 2 | Số cơ sở vi phạm | 0 | |
| 3 | Số cơ sở vi phạm bị xử lý | 0 | |
| Trong đó | | | |
| 3.1. Hình thức phạt chính | | | |
| | Số cơ sở bị cảnh cáo | 0 | |
| | Số cơ sở bị phạt tiền | 0 | |
| | Tổng số tiền phạt | 0 | |
| 3.2 Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả. | | | |
| * | Số cơ sở bị đóng cửa | 0 | |
| * | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm | 0 | |
| | Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành | 0 | |
| * | Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm | 0 | |
| | Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy | 0 | |
| * | Số cơ sở phải khắc phục về nhân | 0 | |
| | số loại sản phẩm có nhãn bị khắc phục | 0 | |
| * | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo | 0 | |
| | Số tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành | 0 | |
| * | Các xử lý khác | 0 | |
| 3.3. | Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý | 0 | |
| 3.4. | số cơ sở vi phạm nhưng không xử lý(chỉ nhắc nhở) | 0 | |

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

| TT | Nội dung vi phạm | Số CS được thanh tra | Số cơ sở vi phạm | Tỉ lệ % |
|----|--|----------------------|------------------|---------|
| 1 | Quy định về sử dụng thuốc BVTV | 0 | | |
| 2 | Quy định sử dụng về chất, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi | 0 | | |
| 3 | Điều kiện trang thiết bị dụng cụ | 0 | | |
| 4 | Điều kiện về con người | 0 | | |
| 5 | Công bố sản phẩm | 0 | | |
| 6 | Ghi nhãn thực phẩm | 0 | | |
| 7 | Quảng cáo thực phẩm | 0 | | |
| 8 | Chất lượng thực phẩm | 0 | | |
| 9 | Vi phạm khác(ghi rõ) | 0 | | |

4 Kết quả kiểm nghiệm Test nhanh:

| TT | Loại xét nghiệm | Kết quả xét nghiệm | | |
|-----------------------|-----------------|------------------------|------------------|----------|
| | | Tổng số mẫu xét nghiệm | Số mẫu không đạt | Tỷ lệ % |
| 1 xét nghiệm tại labo | | | | |
| 1.1 | Hóa lý | 0 | 0 | 0 |
| 1.2 | Xinh vật | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số XN tại labo | | 0 | 0 | 0 |
| 2 | XN nhanh | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cộng | 0 | 0 | 0 |

4. Tình hình ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Trung thu.

Trong việc Đảm bảo an toàn thực phẩm dịp Tết Trung thu trên địa bàn phường không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

III. Nhận xét, đánh giá.

1. Ưu điểm:

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của UBND thành phố Lào Cai, Trung tâm y tế thành phố Lào Cai. UBND phường Cốc Lếu đã tổ chức triển khai hiệu quả việc đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2023 trên địa bàn phường. Không để xảy ra dịch bệnh và các vụ ngộ độc thực phẩm, không có người dân nào bị tử vong do ngộ độc thực phẩm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh chế biến thực phẩm đã có ý thức chấp hành tốt các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm.

Các cơ sở kinh doanh thực phẩm chấp hành tốt và tạo điều kiện cho đoàn kiểm tra khi làm việc trực tiếp tại cơ sở kinh doanh.

2. Tồn tại, hạn chế:

Chưa kiểm tra được hết các cơ sở kinh doanh thực phẩm trên địa bàn phường.

3. Kiến nghị, đề xuất:

Mở các lớp tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng bao gói.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu trên địa bàn phường Cốc Lếu năm 2023./.

Nơi nhân:

- TTr Đảng ủy - HĐND phường;
- Trung tâm y tế thành phố;
- Lưu: VT, trạm Y tế.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ. CHỦ TỊCH

Bùi Thị Phụng